

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Trường
- Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024.

Đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1991, tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hoàng H (sống) và bà Lê Thị L (sống); Bị cáo có vợ (đã ly hôn), chưa có con;

Tiền án: 01: ngày 21/10/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 02/10/2022.

Tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 24/8/2023, chuyển tạm giam ngày 30/8/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Lê Hữu T, sinh năm 1990 tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; Đăng ký thường trú: số B, khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Lê Hữu T1 (sống) và bà Trương Thị Mỹ H1 (sống); Bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 người con; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 25/8/2023, chuyển tạm giam ngày 28/8/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Võ Thành H2, sinh năm 1989 tại huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Đăng ký thường trú: số A, đường L, tổ D, khu phố E, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: số B, khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: sửa xe; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Võ Thành K (chết) và bà Huỳnh Thị T2 (sống); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: không; Tiền sự: 02:

- Lần 1: Ngày 19/8/2020, chấp hành Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, chấp hành xong ngày 14/4/2022.

- Lần 2: Ngày 29/12/2022, bị Công an quận C, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc trái phép, chưa đóng phạt.

Về nhân thân:

- Ngày 14/11/2017, bị Tòa án nhân dân quận 8, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, chấp hành xong án phạt tù ngày 26/4/2018, chấp hành xong án phí hình sự vào ngày 12/9/2022.

- Ngày 09/4/2019, bị Tòa án nhân dân quận 8, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự, chấp hành xong án phạt tù ngày 29/4/2020, chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự vào ngày 27/5/2020.

Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 09/11/2023, chuyển tạm giam ngày 12/11/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1989 tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 04/12;

Con ông Nguyễn Văn L1 (sống) và bà Trương Thị N (sống); Bị cáo có vợ (đã ly hôn) và có 02 người con; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 02/02/2024, chuyển tạm giam ngày 06/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:*

1/ Anh Võ Thanh Đ, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

2/ Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1970 (có mặt)

Trú tại: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

3/ Anh Bùi Hữu D, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo uỷ quyền của anh D: Ông Bùi Văn Thuỳ

Trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

4/ Anh Lê Thanh P1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Đăng ký thường trú: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

Chỗ ở hiện nay: khu vực 3, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang

5/ Anh Trần Hoàng N1, sinh năm 1976 (có mặt)

Trú tại: ấp Phú Lễ, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

6/ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1993 (có mặt)

Trú tại: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Bùi Văn T4, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

2/ Anh Trịnh Hận Quốc T5, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú tại: số D, tổ D, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ

3/ Anh Huỳnh Quang T6, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú tại: số A, đường N, khu V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ

4/ Anh Nguyễn Chí C1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại: số A, chung cư C, đường M, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần

Thơ

5/ Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1959 (có mặt)

Trú tại: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

6/ Bà Trương Thị Mỹ H1, sinh năm 1963 (có mặt)

Trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định và không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Hoàng P và Lê Hữu T rủ nhau đi lấy trộm xe mô tô của người khác đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Vào khoảng 23 giờ ngày 22/8/2023, P và T lấy trộm xe mô tô Wave, nhãn hiệu DAME màu đỏ, biển kiểm soát 65B2 – 077.19 của anh Võ Thanh Đ. Sau khi trộm xe, P không bán xe mà lấy biển số xe khác (biển số 95U1 - 3797) gắn vào để làm phương tiện đi lại và hứa đưa cho T số tiền 500.000 đồng nhưng chưa đưa tiền thì P và T bị bắt.

Qua điều tra ngoài vụ trộm cắp tài sản trên, với thủ đoạn Lê Hữu T dùng xe mô tô nhãn hiệu Dream SANDA màu nho, biển kiểm soát 72H9 - 6374 chở Nguyễn Hoàng P đi trên các tuyến đường nông thôn để tìm kiếm tài sản trộm và đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản (xe mô tô), cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 16 giờ ngày 01/7/2023, Lê Hữu T chở Nguyễn Hoàng P đến đoạn đường thuộc ấp P, xã P huyện C, tỉnh Hậu Giang thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha màu xanh bạc, biển kiểm soát 95G1 - 061.06 của chị Nguyễn Thị H3 để cặp lộ, không có người trông coi nên T dùng xe đậu ngòi cạnh đường, P xuống xe dùng đoạn phá khóa lấy trộm xe. Sau khi lấy trộm, P và T đem xe lên thành phố Cần Thơ bán cho Võ Thành H2 với giá 3.500.000 đồng, chia P 2.000.000 đồng và Tròn 1.500.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 19 giờ ngày 04/7/2023, Lê Hữu T chở Nguyễn Hoàng P đến đoạn đường thuộc ấp P, xã P huyện C, tỉnh Hậu Giang thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại FUTURE FI màu xanh, biển kiểm soát 95R1 - 025.65 của Bùi Hữu D đang đậu nhưng không có người trông coi nên T dùng xe đậu cạnh đường, P xuống xe dùng đoạn phá khóa lấy trộm xe. Sau khi lấy trộm xe, P và T đem xe lên thành phố Cần Thơ bán cho Võ Thành H2 với giá 5.000.000 đồng, chia P 2.000.000 đồng và Tròn 3.000.000 đồng. Ngoài ra, P còn chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng của D để trong cốp xe.

Vụ thứ 3: Khoảng hơn 20 giờ ngày 05/7/2023, Lê Hữu T chở Nguyễn Hoàng P đến đoạn đường thuộc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda AIR BLADE màu đỏ đen, biển kiểm soát 83P1 – 289.73 của anh Lê Thanh P1 đậu không có người trông coi nên T dùng xe cạnh đường, P xuống xe dùng đoạn phá khóa lấy trộm xe. Sau khi lấy trộm xe, P và T đem xe lên thành phố

Cần Thơ bán cho Võ Thành H2 với giá 5.000.000 đồng, chia P 3.000.000 đồng và Tròn 2.000.000 đồng.

Vụ thứ 4: Vào khoảng hơn 01 giờ ngày 11/7/2023, Nguyễn Hoàng P đi bộ một mình trên tuyến đường nông thôn thuộc xã P tìm xe mô tô lấy trộm. Khi đến nhà anh Trần Hoàng N1, P thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đen, biển kiểm soát 65U1 - 6813 của anh N1 đang đậu phía trước bên ngoài nhà không người trông coi, P dùng đoản phá khóa lấy trộm xe rồi đem lên thành phố Cần Thơ bán cho Võ Thành H2 được số tiền 1.800.000 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng hơn 01 giờ ngày 23/8/2023, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Ngọc C thống nhất đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đến nhà anh Nguyễn Văn M thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter150, màu đỏ đen, biển kiểm soát 95H1 - 599.44 của anh M đang đậu trong nhà, cửa nhà khép hờ không khóa nên cả hai thống nhất lấy trộm xe của anh M, C dừng xe đợi bên ngoài, P vào nhà lấy trộm xe. Sau khi trộm xe, P điều khiển xe vừa trộm được đến gặp Lê Hữu T nhờ T cùng đem xe lên thành phố Cần Thơ bán cho Võ Thành H2 với giá 4.500.000 đồng, P cho T 400.000 đồng, đưa C 3.000.000 đồng và P được 1.100.000 đồng.

Đối với Võ Thành H2: Biết rõ các xe mô tô Nguyễn Hoàng P và Lê Hữu T đem đến bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì vụ lợi cá nhân, trực tiếp mua xe rồi đem bán lại cho người khác để thu tiền lời. Sau khi mua xe, H2 nhờ H4 (quen biết trên mạng xã hội, không xác định nhân thân lai lịch) giới thiệu bán dùm 03 xe mô tô (xe biển kiểm soát 95R1 - 025.65, xe biển kiểm soát 83P1 - 289.73 và xe biển kiểm soát 95H1 - 599.44), còn 02 (hai) xe mô tô H2 tự tháo bán phụ tùng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành P2, Lê Hữu T, Võ Thành H2, Nguyễn Ngọc C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu chứng cứ cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu thập.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐGTS ngày 26/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: xe mô tô nhãn hiệu DAME màu xanh, biển số kiểm soát 65B2-007.19 (đã qua sử dụng) trị giá 2.500.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 36/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn xanh-đen-bạc, biển số kiểm soát 95G1-061.06 (đã qua sử dụng) trị giá 11.000.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 21/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future F1, màu xanh đen, biển số 95R1-025.65 (đã qua sử dụng) trị giá 24.000.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 37/KL-HĐĐGTS ngày 29/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu sơn đen đỏ, biển số 83P1-289.73 (đã qua sử dụng) trị giá 26.700.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 38/KL-HĐĐGTS ngày 29/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn xanh đen, biển số 65U1-6813 (đã qua sử dụng) trị giá 9.300.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, dung tích 150cm³, màu sơn đỏ đen, biển số 95H1-599.44 (đã qua sử dụng) trị giá 20.000.000 đồng.

** Về vật chứng trong vụ án:*

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen tạm giữ của Nguyễn Hoàng P;

+ 02 đoạn kim loại, mỗi đoạn dài 10 cm (đoản);

+ 02 phụộc xe mô tô màu vàng, đã qua sử dụng;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số đăng ký 60F2 – 807.59, tên Nguyễn Thị Thu T7;

+ 01 túi đeo màu đen, bên trong có chứa các đồ vật gồm: Kèm, mỏ lếch và khóa, đã qua sử dụng;

+ 01 cây dao tự chế bằng kim loại dài 114 cm, có phần cán tròn, dài 34 cm, phần lưỡi dài 80 cm, có một cạnh sắc bén, đã qua sử dụng;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Trung Quốc, loại DEAM, màu đỏ đen, có gắn biển kiểm soát 95U1 - 3797;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại FUTURE FI màu xanh, biển kiểm soát 95R1 - 025.65;

** Xử lý tài sản, đồ vật tài liệu.*

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Wave Trung Quốc, loại DEAM, màu đỏ đen và xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại FUTURE FI màu xanh, biển kiểm soát 95R1 - 025.65. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với biển kiểm soát 95U1 - 3797 quả điều tra xác định biển số là của xe mô tô Honda LEAD do chị Nguyễn Thị Cẩm L2. Cơ quan CSĐT ra quyết định xử lý vật chứng và đã trả lại biển kiểm soát 95U1 - 3797 cho chị L2.

* Phần dân sự:

Anh Võ Thanh Đ đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết;

+ Chị Nguyễn Thị H3 yêu cầu bồi thường số tiền 11.000.000 đồng, anh Bùi Hữu D yêu cầu bồi thường số tiền 2.500.000 đồng, anh Lê Thanh P1 yêu cầu bồi thường số tiền: 26.700.000 đồng, anh Trần Hoàng N1 yêu cầu bồi thường số tiền 9.300.000 đồng và anh Nguyễn Văn M yêu cầu bồi thường số tiền: 20.000.000 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo P, T và C thống nhất bồi thường cho các bị hại, Nguyễn Ngọc C đã tác động gia đình bồi thường cho anh M số tiền 10.000.000 đồng, P và T chưa bồi thường.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình như Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 Điều 173, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C từ 06 đến 12 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 06/02/2024.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 323, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Hữu T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về Tội trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo 06 đến 09 tháng tù về Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành từ 03 năm đến 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 25/8/2023.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 323, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Võ Thành H2 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 09/11/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã quy kết. Lời thừa nhận của các bị cáo là thống nhất nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định:

[2] Do không có nghề nghiệp ổn định và không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Hoàng P, Lê Hữu T và Nguyễn Ngọc C rủ nhau đi lấy trộm xe mô tô của người khác đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/07/2023 đến ngày 23/8/2023 Nguyễn Hoàng P đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là: 96.000.000 đồng, Lê Hữu T thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản 66.700.000 đồng; Nguyễn Ngọc C thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 20.000.000 đồng. Đối với Võ Thành H2 biết rõ 05 xe mô tô do Nguyễn Hoàng P và Lê Hữu T đem đến bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì vụ lợi cá nhân, trực tiếp mua xe rồi đem bán lại cho người khác để thu lợi. Tổng giá trị tài sản Võ Thành H2 đã tiêu thụ là 91.000.000 đồng.

[3] Ngoài ra bản thân Lê Hữu T biết rõ xe mô tô YAMAHA, loại Exciter 150, màu đỏ đen, biển số 95H1-599.44 trị giá 20.000.000 đồng, là do P trộm cắp mà có nhưng T đã giúp sức cho P bằng cách liên lạc với H2 để P bán xe trên cho H2.

[4] Bị cáo Nguyễn Hoàng P đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, tài sản chiếm đoạt được trong mỗi vụ có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên. Bị cáo không có nghề nghiệp, lấy việc trộm cắp làm nghề sinh sống và lấy tiền từ việc bán tài sản do trộm mà có được làm nguồn sống chính. Mặt khác tổng định lượng mà bị cáo trộm trên 50.000.000 đồng nên bị cáo bị truy tố theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5] Bị cáo Lê Hữu T đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, tài sản chiếm đoạt được trong mỗi vụ có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên, và tổng định lượng trên 50.000.000 đồng. Ngoài hành vi trên bị cáo Lê Hữu T biết rõ tài sản là do P trộm cắp mà có nhưng T đã giúp sức cho P bằng cách liên lạc với H2 để cùng với P bán xe cho H2. Nên bị cáo bị truy tố theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[6] Bị cáo Nguyễn Hữu C2 đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, tài sản chiếm đoạt được có giá trị từ 20.000.000 đồng nên bị cáo bị truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội.

[7] Hành vi không hứa hẹn trước và biết rõ tài sản do các bị cáo Nguyễn Hoàng P, Lê Hữu T đã trộm mà có được nhưng bị cáo Võ Thành H2 vẫn đồng ý mua đã đủ

yếu tố cấu thành Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo H2 khai nhận bị cáo có nghề nghiệp là sửa xe. Tại phiên toà bị cáo khai có thu nhập từ tiền sửa xe và mua bán phụ tùng xe, từ thu nhập đó bị cáo có nhiều lần mua bán xe hợp pháp để tạo thêm thu nhập. Trong thời gian đó bị cáo có mua xe của các bị cáo trộm trong vụ án để phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên toà Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chưa có chứng cứ để phản bác lời trình bày của bị cáo, cũng như chưa đủ căn cứ để thoả mãn các điều kiện theo hướng dẫn tại tại tiểu mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Do đó chưa đủ cơ sở để cho rằng bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử chỉ xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là phù hợp, bảo đảm nguyên tắc có lợi cho người phạm tội trong tố tụng hình sự.

[8] Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, được pháp luật bảo vệ. Gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Xâm phạm đến trật tự công cộng. Nên hành vi của các bị cáo cần thiết phải xử phạt nghiêm mới đảm bảo răn đe phòng ngừa tội phạm.

[9] Xét tính chất, mức độ và vai trò của từng bị cáo thấy rằng;

[9.1] Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng P: Bị cáo là người trực tiếp lấy trộm xe của các bị hại. Bị cáo dùng đoản phá khoá để dẫn xe đi, trực tiếp đem xe đi bán và chia tiền cho các bị cáo T và C2. Bị cáo là người chủ động tích cực nhất trong các lần trộm tài sản cùng với bị cáo T và C2. Bị cáo phạm tội với tình tiết 02 lần trở lên; bản thân bị cáo có 01 tiền án chưa được xoá án tích, mà còn tiếp tục phạm tội, cho thấy bị cáo không thật sự ăn năn hối cải. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần và tái phạm được quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Vì vậy hình phạt của bị cáo phải cao hơn hình phạt của các bị cáo còn lại.

[9.2] Đối với bị cáo Lê Hữu T: Bị cáo chở bị cáo P để đi tìm tài sản, khi bị cáo P lấy xe thì bị cáo chờ bên ngoài để canh đường. Và có vai trò chủ động tích cực trong việc đem tài sản trộm được để đi bán. Bị cáo đã cùng với bị cáo P cùng nhau thực hiện 04 vụ trộm. Do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó cũng cần xử phạt nghiêm tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung.

[9.3] Đối với bị cáo Võ Thành H2: Mặc dù biết 05 xe mô tô do bị cáo P, T

trộm mà có nhưng bị cáo vẫn mua và sau đó đem 03 xe đi bán lại và 02 xe đem rửa để bán phụ tùng để lấy tiền thu lợi bất chính tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã gây khó khăn cho quá trình điều tra, phát hiện và xử lý người phạm tội, góp phần tạo điều kiện, khuyến khích cho người khác đi chiếm đoạt tài sản bất hợp pháp. Bị cáo phạm tội 05 lần nên phải chịu tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo có nhân thân không tốt đã 02 lần bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, và có 02 tiền sự về áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Nên phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

[9.4] Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C: Sau khi bị cáo P rủ đi trộm thì bị cáo đồng ý và chờ bị cáo P đi tìm tài sản, sau khi trộm được tài sản bị cáo P đem bán và chia cho bị cáo C 2.000.000 đồng. Với vai trò chủ động tích cực của bị cáo cũng cần phải xử phạt nghiêm.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[10.1] Các bị cáo Nguyễn Hoàng P, Võ Thành H2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Võ Thành H2 đã ra đầu thú, bị cáo P tại toà được bị hại Trần Hoàng N1 và Nguyễn Văn M xin xem xét giảm nhẹ, và bị cáo P có người thân có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[10.2] Bị cáo Lê Hữu T đã tác động gia đình khắc phục hậu quả số tiền 19.250.000 đồng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại Trần Hoàng N1 và Nguyễn Văn M xin xem xét giảm nhẹ, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[10.3] Bị cáo Nguyễn Ngọc C đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú, được bị hại Trần Hoàng N1 và Nguyễn Văn M xin xem xét giảm nhẹ, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[11] Đối với người tên H4: Võ Thành H2 khai nhận đã nhờ H4 bán dùm 03 (ba) xe mô tô sau khi H2 mua lại của bị cáo P và T. Quá trình điều tra chưa xác định nhân thân, lai lịch nên chưa làm việc được nên không đủ căn cứ xử lý đối với H4.

[12] Đối với Trịnh Hận Quốc T5, Huỳnh Quang T6 và Nguyễn Chí C1 là người mua xe Honda Future FI màu xanh, biển số kiểm soát 95R1-025.65 từ người tên H4 với mục đích bán lại kiếm lời, không biết tài sản do phạm tội mà có. Đồng thời, kết

quả điều tra chưa đủ căn cứ xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp.

[13] Về xử lý vật chứng:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen tạm giữ của Nguyễn Hoàng P; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số đăng ký 60F2 – 807.59, tên Nguyễn Thị Thu T7, thu giữ của bị cáo P không phải là công cụ phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo P.

+ 02 đoạn kim loại, mỗi đoạn dài 10 cm (đoản); 02 phuộc xe mô tô màu vàng, đã qua sử dụng; 01 túi đeo màu đen, bên trong có chứa các đồ vật gồm: Kèm, mỏ lếch và khóa, đã qua sử dụng; 01 cây dao tự chế bằng kim loại dài 114 cm, có phần cán tròn, dài 34 cm, phần lưỡi dài 80 cm, có một cạnh sắc bén, đã qua sử dụng. Là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[14] Về trách nhiệm dân sự:

[14.1] Tại phiên toà chị Nguyễn Thị H3 yêu cầu bị cáo P, bị cáo T bồi thường cho chị 11.000.000 đồng, chị đồng ý để mỗi bị cáo bồi thường cho chị 5.500.000 đồng, các bị cáo thống nhất bồi thường. Vì vậy buộc bị cáo P và bị cáo T mỗi bị cáo bồi thường cho chị H3 5.500.000 đồng.

[14.2] Anh Trần Hoàng N1 yêu cầu bị cáo P bồi thường số tiền 9.300.000 đồng, bị cáo P đồng ý. Nên buộc bị cáo P bồi thường cho anh N1 9.300.000 đồng.

[14.3] Anh Nguyễn Văn M yêu cầu bị cáo P và C bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo C đã bồi thường cho anh M 10.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng, anh M yêu cầu bị cáo P bồi thường, bị cáo P chấp nhận. Nên buộc bị cáo P bồi thường cho anh M 10.000.000 đồng.

[14.4] Anh Bùi Hữu D yêu cầu bị cáo P bồi thường 2.500.000 đồng, bị cáo P thống nhất bồi thường. Vì vậy buộc bị cáo P bồi thường cho anh D 2.500.000 đồng.

[14.5] Anh Lê Thanh P1 yêu cầu bị cáo P, bị cáo T bồi thường 26.700.000 đồng. Tại phiên toà, các bị cáo thống nhất bồi thường, bị cáo T đã nộp trước số tiền khắc phục hậu quả 13.750.000 đồng, số tiền còn lại là 12.950.000 đồng bị cáo P thống nhất bồi thường cho anh P1.

[15] Tại phiên toà bị cáo H2 khai số tiền thu lợi bất chính từ việc bán 05 chiếc xe mô tô đã mua của bị cáo P và bị cáo T là 4.000.000 đồng, bị cáo thống nhất nộp số tiền trên, nên truy thu, buộc bị cáo phải nộp 4.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước.

[16] Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

[17] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo P phải chịu 2.012.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Ngọc C phạm Tội trộm cắp tài sản; Bị cáo Lê Hữu T phạm Tội trộm cắp tài sản và Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; và bị cáo Võ Thành H2 phạm Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Áp dụng Điều 38; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

- Áp dụng Điều 38; điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 06 (sáu) tháng tù về Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Hữu T phải chấp hành 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 25/8/2023.

- Áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thành H2 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 09/11/2023.

- Áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s, điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 08 (tám) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 06/02/2024.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Lê Hữu T mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H3 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm ngàn đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P bồi thường cho anh Trần Hoàng N1 9.300.000 đồng (*Chín triệu ba trăm ngàn đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P bồi thường cho anh Nguyễn Văn M 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P bồi thường cho anh Bùi Hữu D 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

Buộc bị cáo Lê Hữu T bồi thường cho anh Lê Thanh P1 13.750.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*), buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P bồi thường cho anh Lê Thanh P1 12.950.000 đồng (*Mười hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*).

Chị Nguyễn Thị H3 được nhận 5.500.000 đồng; anh Lê Thanh P1 được nhận 13.750.000 đồng theo biên lai thu số 0001078 ngày 19/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Truy thu, buộc bị cáo Võ Thành H2 phải nộp 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) vào ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số đăng ký 60F2 – 807.59, tên Nguyễn Thị Thu T7.

- + Tịch thu tiêu huỷ: 02 đoạn kim loại, mỗi đoạn dài 10 cm (đoản); 02 phụộc xe mô tô màu vàng, đã qua sử dụng; 01 túi đeo màu đen, bên trong có chứa các đồ vật gồm: Kềm, mỏ lách và khóa, đã qua sử dụng; 01 cây dao tự chế bằng kim loại dài 114 cm, có phần cán tròn, dài 34 cm, phần lưỡi dài 80 cm, có một cạnh sắc bén, đã qua sử dụng.

Các vật chứng theo phiếu nhập kho số PNK 2024/19 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Hoàng P phải chịu 2.012.500 đồng (*Hai triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*).

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh